TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 196/2021/HS-ST Ngày: 12 - 8 - 2021.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Trần Ngọc Phương.

2/ Bà Lê Thị Thiện.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Hoàng Tấn - Thư ký của Toà án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Xuân Sỹ - Kiểm sát viên.

Vào ngày 12 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 200/2021/TLST- HS ngày 16 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 205/2021/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2021/HSST-QĐ ngày 20/7/2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Thanh T, sinh năm 1976 tại tỉnh T; nơi cư trú: Xóm B, xã V, huyện T, tỉnh T; nghề nghiệp: Thợ hồ; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh N, sinh năm 1950 và bà Trịnh Thị X, sinh năm 1951; bị cáo có vợ tên Trần Thị X, sinh năm 1980, có hai người con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2001; Tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/02/2021 đến nay. Bị cáo có yêu cầu xét xử vắng mặt theo đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 17/7/2021.

Bị hại: Bà Phạm Thị K, sinh năm 1990; nơi cư trú: Ấp M, xã T, huyện T, tỉnh K. Chỗ ở: khu phố C, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người làm chứng: Ông Nguyễn Chí T, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Phạm Thị K thuê phòng trọ số 5 tại Cơ sở trọ địa chỉ: khu phố C, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương do ông Nguyễn Chí T làm chủ. Vào khoảng 07 giờ 00 phút ngày 18/02/2021, bà K đi làm tại công ty và có gửi chìa khóa phòng trọ cho ông T để nhờ ông T sửa chữa nhà vệ sinh trong phòng trọ cho bà K. Khi đi làm, bà K để lại trên giường trong phòng trọ 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A02S. Đến khoảng 07 giờ 30 phút cùng ngày, ông T mở cửa vào trong phòng của bà K và có nhìn thấy chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy A02S trên giường, ông T không để ý mà đi vào nhà vệ sinh. Đến khoảng 10 giờ 00 phút cùng ngày, Nguyễn Thanh T đi từ phòng trọ số 23 của T ở trên lầu 01 của dãy trọ đi xuống và nhìn thấy phòng trọ số 5 của bà K mở cửa nên nhìn vào bên trong thì phát hiện thấy chiếc điện thoại Samsung Galaxy A02S trên giường, lúc này T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại. Thực hiện ý định trên, T lợi dụng lúc ông T không để ý và lén lút đi vào phòng trọ của bà K lấy chiếc điện thoại trên và đi ra khỏi phòng rồi cất giấu vào trước bụng. Sau khi chiếm đoạt được chiếc điện thoại, T đưa cho một người bán trái cây dạo tên T2 (không rõ nhân thân, địa chỉ) để mang đi bán dùm nhưng T chưa nhận được tiền từ T2. Đến khoảng 19 giờ 00 phút ngày 18/02/2021, bà K đi làm về và phát hiện điện thoại đã bị mất nên đã nói lại sự việc cho ông T biết, ông T xem lại camera an ninh tại khu vực dãy trọ thì phát hiện T là người đã vào phòng lấy chiếc điện thoại của bà K. Đến ngày 20/02/2021, T quay về phòng trọ và bị ông T giữ lại và trình báo Công an phường P tiếp nhận xử lý.

Vật chứng của vụ án: Chiếc điện thoại Samsung Galaxy A02S hiện chưa thu hồi được.

Tại Biên bản định giá tài sản và Kết luận định giá tài sản ngày 22/02/2021 của Hội đồng định giá trong Tố tụng hình sự thành phố T kết luận: 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A02S, màu xanh, có trị giá là 2.580.000 đồng (Hai triệu năm trăm tám mươi ngàn đồng).

Bản Cáo trạng số 206/CT-VKS-TA ngày 16 tháng 6 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Nguyễn Thanh T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên giữ quyền công tố trình bày lời luận tội trong đó có nội dung vẫn giữ nguyên quyết định đã truy tố, đánh giá tính chất mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, xác định:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Nguyễn Thanh T mức hình phạt từ 07 (bảy) tháng đến 09 (chín) tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đối với 01 chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy A02S, màu xanh là tài sản cá nhân của bà K, quá trình điều tra T khai nhận đã đưa cho người tên T2 (không rõ nhân thân, lai lịch) bán nhưng không biết T2 đã bán ở đâu và T2

cũng chưa đưa tiền cho T, hiện nay chiếc điện thoại trên Cơ quan điều tra chưa thu hồi được nên không đề nghị xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Phạm Thị K yêu cầu bị cáo Nguyễn Thanh T bồi thường số tiền 2.580.000 đồng, tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền trên nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với người tên T2 đã nhận bán chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy A02S cho T, Cơ quan điều tra đã xác minh nhưng không rõ nhân thân địa chỉ nên Cơ quan điều tra Công an thành phố T đang tiếp tục điều tra xử lý sau.

- Quá trình điều tra bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội giống nội dung Viện kiểm sát truy tố. Tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị cáo ăn năn, hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt để được sớm trở về với gia đình, làm người công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Nguyễn Thanh T có yêu cầu xét xử vắng mặt theo đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 17/7/2021, được Nhà tạm giữ Công an Thành phố T xác nhận ngày 17/7/2021. Bị hại, người làm chứng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Xét thấy đây là yêu cầu tự nguyện của bị cáo, bị hại, người làm chứng, việc vắng mặt của bị cáo và những người tham gia tố tụng không gây trở ngại cho việc xét xử, phù hợp với điểm c, d khoản 2 Điều 290, Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vắng mặt bị cáo và những người tham gia tố tụng.

[2] Trong các giai đoạn tố tụng từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, cán bộ điều tra, Kiểm sát viên đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị cáo không khiếu nại, tố cáo về các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[3] Trong bản tự khai ngày 20/02/2021 (BL 25), bản tự khai (BL 25) và các Biên bản ghi lời khai ngày 20/02/2021 (BL 33, 34, 35, 36), ngày 26/02/2021 (BL 37, 38), biên bản hỏi cung bị can ngày 02/3/2021 (BL từ 60 -61), bị cáo Nguyễn Thanh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã truy tố trước Tòa. Tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị cáo xác định toàn bộ lời khai tại cơ quan Điều tra là đúng sự thật, không có ý kiến gì khác, cáo trạng truy tố đúng hành vi phạm tội của bị cáo nên bị cáo thống nhất toàn bộ nội dung Cáo trạng truy tố. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của người làm chứng, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 10 giờ 00 phút, ngày 18/02/2021 tại phòng trọ số 5 cơ sở trọ có địa chỉ: khu phố C, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương, bị cáo Nguyễn Thanh T có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy A02S có trị giá 2.580.000 đồng của bà Phạm Thị K. Hành vi của bị cáo Nguyễn Thanh T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình

sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố bị cáo Nguyễn Thanh T về tội "Trộm cắp tài sản" theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Tính chất, mức độ của hành vi: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, trị an tại địa phương. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự và sẽ bị trừng trị nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi nên bị cáo đã cố ý thực hiện. Do vậy, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm đảm bảo tính giáo dục riêng cho bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[7] Hình phạt theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy A02S màu xanh là tài sản cá nhân của bà K, hiện nay chiếc điện thoại trên Cơ quan điều tra chưa thu hồi được nên không có cơ sở xử lý.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Phạm Thị K yêu cầu bị cáo Nguyễn Thanh T bồi thường số tiền 2.580.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với người tên T2 đã nhận bán chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy A02S cho bị cáo T, Cơ quan điều tra đã xác minh nhưng không rõ nhân thân địa chỉ của T2, Cơ quan điều tra Công an thành phố T đang tiếp tục điều tra xử lý sau là có cơ sở.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 173; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Điều 136, Điểm c, d Khoản 2 Điều 290, Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015;

- Các Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 08 (tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 20 tháng 02 năm 2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Thanh T bồi thường cho bị hại bà Phạm Thị K số tiền 2.580.000 đồng (Hai triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Cơ quan CSĐT Công an thành phố T;
- Cơ quan THAHS Công an thành phố T;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo; những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, THAHS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Ánh